



Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007



Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007



Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số 0104000187 ngày 13 tháng 4 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp

Ban Giám đốc	Đỗ Cao Bảo	Tổng Giám đốc
	Dương Dũng Triều	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2008)
	Đoàn Thanh Vịnh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2008)
	Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 3 năm 2008)
	Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 4 năm 2008)

Trụ sở đăng ký 101 Láng Hạ
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 946 1600
Fax + 84 (4) 946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (“Công ty”)**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo này được trình bày từ trang 4 đến trang 23. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán của họ ngày 29 tháng 3 năm 2007 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Ngoại trừ những vấn đề được nêu trong các vấn đề ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở trình bày các vấn đề ngoại trừ

Do chúng tôi được chỉ định làm đơn vị kiểm toán của Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2006, chúng tôi đã không có mặt để chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho tại ngày đó. Ngoài ra, một vài thông tin liên quan đến các số liệu so sánh không có sẵn cho mục đích trình bày các thuyết minh báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để xác định số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như các ảnh hưởng, nếu có, đối với thu nhập thuần và lưu chuyển tiền của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và việc phân loại một số số liệu so sánh trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Hơn nữa, trong năm trước, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán khi phát hành và nhận được hóa đơn mà không ghi nhận theo tiến độ hoàn thành của dịch vụ. Nếu các khoản doanh thu này được ghi nhận trên cơ sở xem xét tiến độ hoàn thành của dịch vụ, lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 sẽ giảm đi xấp xỉ là 16 tỷ Đồng Việt Nam trong khi số dư tài khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng và lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 sẽ tăng thêm xấp xỉ là 16 tỷ Đồng Việt Nam.

Các hệ thống kế toán/quản lý hiện thời của Công ty không cho phép đơn vị tập hợp chính xác tất cả các thông tin cần thiết về các chi phí hợp đồng phát sinh thực tế và các chi phí hợp đồng dự kiến để áp dụng một phương pháp ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành cho 16 hợp đồng cung cấp dịch vụ thiết kế và lắp đặt phần cứng và phần mềm theo yêu cầu của khách hàng với tổng giá trị là 196 tỷ Đồng Việt Nam. Do vậy, khoản doanh thu 29 tỷ Đồng Việt Nam liên quan đến các hợp đồng đó đã được ghi nhận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 khi phát hành hóa đơn. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thích hợp nào để xác định tính đầy đủ, sự hiện hữu và tính chính xác của các số dư trên các báo cáo tài chính liên quan đến các hợp đồng đó.

Ban lãnh đạo Công ty chưa áp dụng một phương pháp thích hợp để xem xét tính phù hợp của dự phòng bảo hành. Thay vào đó, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng bảo hành theo một tỷ lệ cố định là 0,7% tổng doanh thu. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thích hợp nào khác để xác định tính phù hợp của dự phòng bảo hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như các ảnh hưởng đối với thu nhập thuần và lưu chuyển tiền của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, trừ những ảnh hưởng đối với các báo cáo tài chính của những điều chỉnh, nếu có, mà có thể là cần thiết liên quan đến các vấn đề được nêu trong phần các vấn đề ngoại trừ ở trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.





Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy phép đầu tư số: 863/GP

Báo cáo kiểm toán số: 07-02-055-02


John T. Ditty
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0555/KTV
Tổng Giám đốc


Trần Hằng Thu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Hà Nội, 25-04-2008

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VND	2006 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		938.489.508.717	885.751.878.882
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	40.652.782.955	70.404.982.602
Tiền	111		40.652.782.955	70.404.982.602
Các khoản phải thu	130	5	653.348.444.498	710.201.645.535
Phải thu khách hàng	131		589.990.225.366	706.418.405.369
Trả trước cho người bán	132		7.602.578.072	3.048.921.597
Phải thu nội bộ	133		2.310.412.930	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		51.630.006.568	-
Các khoản phải thu khác	135		5.285.384.450	734.318.569
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(3.470.162.888)	-
Hàng tồn kho	140	6	232.563.567.762	94.719.451.733
Hàng tồn kho	141		233.242.182.322	94.719.451.733
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(678.614.560)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.924.713.502	10.425.799.012
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.735.153.502	8.783.217.824
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.560.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		175.000.000	1.642.581.188
Tài sản dài hạn	200		24.888.800.334	15.491.105.876
Tài sản cố định	220		21.726.779.592	11.376.032.150
Tài sản cố định hữu hình	221	7	20.671.075.539	11.376.032.150
Nguyên giá	222		54.886.842.586	27.287.769.982
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.215.767.047)	(15.911.737.832)
Tài sản cố định vô hình	227	8	137.340.685	-
Nguyên giá	228		302.389.806	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.049.121)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	918.363.368	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.162.020.742	4.115.073.726
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.162.020.742	4.115.073.726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		963.378.309.051	901.242.984.758

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		708.438.447.139	751.303.122.846
Nợ ngắn hạn	310		708.423.050.409	751.303.122.846
Phải trả người bán	312		56.581.488.380	69.351.260.012
Người mua trả tiền trước	313		103.300.872.662	45.886.459.380
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	9.141.437.515	8.573.295.005
Phải trả công nhân viên	315		33.185.952.000	10.917.106.000
Chi phí phải trả	316		37.315.800.295	413.134.270
Phải trả nội bộ	317	11	453.956.271.343	612.156.333.165
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		10.432.220.698	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.820.096.089	770.880.274
Dự phòng bảo hành	320		1.688.911.427	3.234.654.740
Nợ dài hạn	330		15.396.730	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		15.396.730	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254.939.861.912	149.939.861.912
Vốn chủ sở hữu	410		254.939.861.912	149.939.861.912
Vốn điều lệ	411	12	250.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		2.189.861.912	2.189.861.912
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		2.750.000.000	2.750.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		963.378.309.051	901.242.984.758
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Hàng tồn kho giữ hộ cho các bên thứ ba			111.618.341.000	94.206.388.420

Người lập:



Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

25 -04- 2008

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tổng doanh thu	01	13	1.891.848.530.721	1.837.527.133.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.461.295.812)	-
Doanh thu thuần	10		1.889.387.234.909	1.837.527.133.096
Giá vốn hàng bán	11	14	(1.506.153.644.119)	(1.565.185.659.200)
Lợi nhuận gộp	20		383.233.590.790	272.341.473.896
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	3.123.214.407	2.329.497.996
Chi phí hoạt động tài chính	22	16	(23.817.447.421)	(36.577.551.470)
Chi phí bán hàng	24		(76.220.506.284)	(72.583.847.015)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(119.840.319.622)	(46.480.822.149)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.478.531.870	119.028.751.258
Kết quả của các hoạt động khác	40		14.269.240.201	6.563.058.821
Thu nhập khác	31	17	15.622.469.597	6.699.554.659
Chi phí khác	32	18	(1.353.229.396)	(136.495.838)
Lợi nhuận trước thuế	50		180.747.772.071	125.591.810.079
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	19	(22.047.529.374)	(17.493.503.576)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52	19	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		158.700.242.697	108.098.306.503

Người lập:



Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

25 -04- 2008

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	145.000.000.000	2.189.861.912	2.750.000.000	-	149.939.861.912
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	108.098.306.503	108.098.306.503
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(108.098.306.503)	(108.098.306.503)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	145.000.000.000	2.189.861.912	2.750.000.000	-	149.939.861.912
Hợp nhất vốn của FSS (xem Thuyết minh 3)	22.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000
Vốn góp	83.000.000.000	-	-	-	83.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.700.242.697	158.700.242.697
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	-	-	-	(158.700.242.697)	(158.700.242.697)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	250.000.000.000	2.189.861.912	2.750.000.000	-	254.939.861.912

Người lập:



Đỗ Sơn Giang
 Kế toán trưởng



25 -04- 2008

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		180.747.772.071	125.591.810.079
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10.921.720.917	3.924.449.272
Các khoản dự phòng	03		2.618.430.865	(3.234.654.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(201.274.710)	-
Thu nhập lãi tiền gửi			(1.110.660.199)	(429.106.891)
Chi phí lãi vay	06		20.970.345.465	36.151.726.443
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		213.946.334.409	162.004.224.163
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		123.679.401.368	(46.678.771.832)
Tăng hàng tồn kho	10		(138.135.992.092)	(19.782.747.498)
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(130.518.639.407)	126.916.077.796
Tăng chi phí trả trước	12		(343.827.963)	(11.690.491.065)
			68.627.276.315	210.768.291.564
Lãi vay đã trả	13		(20.970.345.465)	(36.151.726.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		47.656.930.850	174.616.565.121
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(14.379.433.942)	(7.876.887.239)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		488.515.670	-
Tiền thuần thu từ hợp nhất kinh doanh			11.071.370.273	-
Thu lãi tiền gửi	27		1.110.660.199	429.106.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.708.887.800)	(7.447.780.348)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Vốn góp nhận được	31		83.000.000.000	-
Lợi nhuận chuyển cho chủ sở hữu	36		(158.700.242.697)	(108.098.306.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.700.242.697)	(108.098.306.503)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(29.752.199.647)	59.070.478.270
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		70.404.982.602	11.334.504.332
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	40.652.782.955	70.404.982.602

CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau phát sinh vào ngày 1 tháng 1 năm 2007 liên quan đến các thương vụ hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 1 và Thuyết minh 3 của các báo cáo tài chính:

	2007 VNĐ
Tài sản ròng nhận được	
Tài sản cố định	6.441.206.736
Tài sản dài hạn	263.644.621
Hàng tồn kho	386.738.497
Các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	81.306.122.414
Nợ ngắn hạn	(66.397.712.268)
	22.000.000.000

Người lập:



Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

25-04-2008

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp các dịch vụ về công nghệ thông tin (“CNTT”), phát triển và thiết kế phần mềm theo yêu cầu của khách hàng, bán các sản phẩm CNTT liên quan đến phần cứng và phần mềm và cung cấp các dịch vụ bảo trì, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005.

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2007, theo Quyết định số 548/6-2006 FPT/QĐ-HĐQT đã được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (“Công ty FPT”) thông qua, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm FPT (“FSS”), một công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty FPT, và Trung tâm Dịch vụ Quản lý Nguồn lực (“ERPC”), một phòng thuộc Công ty FPT, đã được hợp nhất với Công ty. Do đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh vào ngày 24 tháng 9 năm 2007. Mặc dù thực tế, việc đăng ký hợp nhất kinh doanh mới được hoàn tất vào ngày 24 tháng 9 năm 2007, quyền kiểm soát đối với FSS và ERPC đã được chuyển cho Công ty vào ngày 1 tháng 1 năm 2007.

Tổng vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 250.000.000.000 Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty có 1.919 nhân viên (2006: 634 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

(ii) Các thương vụ mua lại giữa các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Các thương vụ hợp nhất với các đơn vị chịu kiểm soát chung được hạch toán dựa trên giá trị ghi sổ theo phương pháp giá gốc của tài sản có được và công nợ phát sinh từ thương vụ hợp nhất. Chênh lệch giữa các khoản thanh toán đã trả và giá trị ghi sổ liên quan trước giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản Vốn khác và được báo cáo là “Chênh lệch giá trị các giao dịch mua lại giữa các đơn vị chịu kiểm soát chung”. Công ty áp dụng chính sách không trình bày lại các số liệu so sánh như thể sự hợp nhất đã tồn tại trong suốt các kỳ báo cáo được trình bày.

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước-xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

(g) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- phương tiện vận chuyển 4 - 6 năm
- tài sản khác 3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang được phản ánh theo giá gốc cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá gốc phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và các chi phí có thể phân bổ phù hợp với hợp đồng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

(ii) Công cụ

Công cụ ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ trong ba năm.

(m) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(i) Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành được lập liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong ba năm qua. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập tương đương với 1% tổng quỹ lương được sử dụng làm cơ sở để tính Bảo hiểm Xã hội, theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Các giao dịch trọng yếu

Công ty, FSS và ERPC được coi là các đơn vị chịu kiểm soát chung vì FSS và ERPC tương ứng là một công ty con thuộc sở hữu toàn phần và một phòng trực thuộc của Công ty FPT. Do đó, Công ty đã nhận toàn bộ tài sản và công nợ của FSS và ERPC ("các công ty được mua lại") khi FSS và ERPC được hợp nhất vào Công ty vào ngày 1 tháng 1 năm 2007. Công ty không phải trả khoản tiền nào liên quan đến các giao dịch này và vốn điều lệ của Công ty đã tăng thêm một giá trị tương đương với vốn điều lệ của FSS sau ngày FSS được hợp nhất vào Công ty (xem Thuyết minh 12).

Tài sản ròng của các công ty được mua lại tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 như sau:

	VNĐ
Tổng tài sản	88.397.712.268
Tổng nợ phải trả	(66.397.712.268)
Tài sản ròng	<u>22.000.000.000</u>

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	556.069.118	1.546.587.377
Tiền gửi ngân hàng	40.096.713.837	68.858.395.225
Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>40.652.782.955</u>	<u>70.404.982.602</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ có giá trị là 2.292 triệu VNĐ (2006: 71 triệu VNĐ).

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu nội bộ gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Phải thu thương mại từ các công ty liên quan	2.310.412.930	-

Các khoản phải thu khác gồm:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tạm ứng	640.798.200	224.719.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.524.204.605	-
Các khoản phải thu khác	1.120.381.645	509.599.569
	5.285.384.450	734.318.569

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Số dư đầu năm	-	726.909.270
Tăng dự phòng trong năm	3.470.162.888	-
Giảm dự phòng trong năm	-	(726.909.270)
Dự phòng phải thu khó đòi	3.470.162.888	-

6. Hàng tồn kho

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	595.856.166	-
Công cụ và dụng cụ	34.762.184	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.852.501.132	-
Hàng hóa mua để bán	228.759.062.840	94.719.451.733
	233.242.182.322	94.719.451.733
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(678.614.560)	-
	232.563.567.762	94.719.451.733

Bao gồm trong hàng hóa mua để bán tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có 1.033 triệu VNĐ (2006: Bằng không) hàng tồn kho được ghi sổ theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.058.326.647	2.184.485.209	44.958.126	27.287.769.982
Tài sản cố định nhận về từ thương vụ hợp nhất (xem Thuyết minh 3)	14.658.604.335	915.006.352	60.253.873	15.633.864.560
Tăng trong năm	10.448.773.164	355.517.661	2.636.075.003	13.440.365.828
Chuyển từ các công ty liên quan	1.527.235.785	-	-	1.527.235.785
Thanh lý	(2.986.816.003)	-	(15.577.566)	(3.002.393.569)
Số dư cuối năm	48.706.123.928	3.455.009.222	2.725.709.436	54.886.842.586
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	15.319.990.685	560.265.508	31.481.639	15.911.737.832
Khấu hao lũy kế của tài sản cố định nhận về từ thương vụ hợp nhất (xem Thuyết minh 3)	8.803.164.070	512.612.663	53.177.159	9.368.953.892
Chuyển từ các công ty liên quan	788.167.144	-	-	788.167.144
Khấu hao trong năm Thanh lý	9.742.086.592 (2.714.287.189)	548.312.770 -	571.661.426 (865.420)	10.862.060.788 (2.715.152.609)
Số dư cuối năm	31.939.121.302	1.621.190.941	655.454.804	34.215.767.047
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	16.767.002.626	1.833.818.281	2.070.254.632	20.671.075.539
Số dư đầu năm	9.738.335.962	1.624.219.701	13.476.487	11.376.032.150

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 17.811 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 7.383 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tài sản cố định vô hình nhận về từ thương vụ hợp nhất (xem Thuyết minh 3)	281.685.060
Tăng trong năm	20.704.746
	<hr/>
Số dư cuối năm	302.389.806
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao lũy kế của tài sản cố định vô hình nhận về từ thương vụ hợp nhất (xem Thuyết minh 3)	105.388.992
Khấu hao trong năm	59.660.129
	<hr/>
Số dư cuối năm	165.049.121
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	137.340.685
Số dư đầu năm	-
	<hr/>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	918.363.368
	<hr/>
Số dư cuối năm	918.363.368
	<hr/>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	6.108.966.946	7.778.996.455
Thuế nhập khẩu	13.867.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.015.603.569	794.298.550
Các loại thuế khác	3.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	9.141.437.515	8.573.295.005
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

11. Phải trả nội bộ

Các khoản phải trả nội bộ gồm:

	2007 VND	2006 VND
Phải trả công ty mẹ		
Thương mại	311.878.929.388	474.833.954.737
Phi thương mại	142.073.250.955	137.322.378.428
Các khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan	4.091.000	-
	<hr/> 453.956.271.343	<hr/> 612.156.333.165

Các khoản nợ phi thương mại phải trả cho công ty không có bảo đảm và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

12. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt		Đã góp	
	VND	%	VND	%
Công ty FPT	250.000.000.000	100%	250.000.000.000	100%

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2007 VND	2006 VND
Số dư đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
Hợp nhất vốn điều lệ của FSS (xem Thuyết minh 3)	22.000.000.000	-
Góp vốn của Công ty FPT	83.000.000.000	-
Số dư cuối năm	<hr/> 250.000.000.000	<hr/> 145.000.000.000

Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****13. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần gồm:

	2007 VND	2006 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa mua để bán	1.621.933.216.329	1.738.040.584.617
▪ Cung cấp dịch vụ	269.915.314.392	99.486.548.479
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.461.295.812)	-
Doanh thu thuần	<u>1.889.387.234.909</u>	<u>1.837.527.133.096</u>

14. Giá vốn hàng bán

	2007 VND	2006 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng hóa mua về đã bán	1.348.886.051.992	1.534.002.599.889
▪ Dịch vụ đã cung ứng	156.588.977.567	31.183.059.311
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	678.614.560	-
	<u>1.506.153.644.119</u>	<u>1.565.185.659.200</u>

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	2007 VND	2006 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	1.110.660.199	429.106.891
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.012.554.208	1.900.391.105
	<u>3.123.214.407</u>	<u>2.329.497.996</u>

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

16. Chi phí hoạt động tài chính

	2007 VND	2006 VND
Chi phí lãi vay do Công ty FPT phân bổ	20.970.345.465	36.151.726.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.847.101.956	425.825.027
	<hr/>	<hr/>
	23.817.447.421	36.577.551.470

17. Thu nhập khác

	2007 VND	2006 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	488.515.670	-
Tiền thưởng và các khoản ưu đãi khác	14.186.928.730	6.677.207.165
Thu nhập khác	947.025.197	22.347.494
	<hr/>	<hr/>
	15.622.469.597	6.699.554.659

18. Chi phí khác

	2007 VND	2006 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	287.240.960	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	489.490.532	126.535.033
Chi phí khác	576.497.904	9.960.805
	<hr/>	<hr/>
	1.353.229.396	136.495.838

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2007 VND	2006 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	22.047.529.374	17.493.503.576
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN")	22.047.529.374	17.493.503.576

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	180.747.772.071	125.591.810.079
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	43.851.269.022	35.165.706.822
Chi phí không được khấu trừ thuế	243.789.726	-
Các khoản khác	-	(178.699.670)
Thu nhập không chịu thuế	(22.047.529.374)	(17.493.503.576)
	<u>22.047.529.374</u>	<u>17.493.503.576</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế đối với sản xuất và dịch vụ phần mềm và 28% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp. Công ty được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ thời điểm Công ty FPT, công ty mẹ, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2006.

20. Các cam kết*Thuê*

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Trong vòng một năm	25.189.540.260	19.904.804.808
Từ hai đến năm năm	30.250.507.018	54.670.706.432
Trên năm năm	-	484.309.116
	<u>55.440.047.278</u>	<u>75.059.820.356</u>

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Chi phí hàng hóa bao gồm trong chi phí sản xuất	1.349.564.666.552	1.534.002.599.889
Chi phí nhân công và nhân viên	156.388.721.433	51.348.113.811
Chi phí khấu hao	10.921.720.917	5.186.647.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.559.642.801	62.135.446.855
Các chi phí khác	19.310.430.515	394.460.938

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất của giao dịch	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Công ty FPT	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và dịch vụ	211.305.196.202	169.149.710.157
		Cung cấp dịch vụ	34.851.016.337	19.699.197.925
		Mua hàng hóa	1.032.688.185.255	1.205.445.634.512
		Chuyển lợi nhuận	158.700.242.697	108.098.306.503
		Lãi vay phân bổ	20.970.345.465	36.151.726.443
Công ty Công nghệ di động FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	59.682.155	276.333.367
		Cung cấp dịch vụ	242.116.681	366.807.900
		Mua hàng hóa	1.363.636	168.854.918
		Mua dịch vụ	13.970.001	1.963.318.258
Công ty Cổ phần phần mềm FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.826.545.915	738.678.680
		Cung cấp dịch vụ	2.693.975.739	6.061.208.420
		Mua hàng hóa	2.301.495.216	-
Công ty Phân phối FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	3.665.410.737	8.318.083.427
		Cung cấp dịch vụ	57.105.487	752.204.751
		Mua hàng hóa	196.019.529.085	197.412.773.087
		Mua dịch vụ	6.984.395.329	4.416.657.713
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	43.100.697.947	198.718.864
		Cung cấp dịch vụ	844.673.519	16.589.015.444
		Mua hàng	129.451.155	9.000.000
		Dịch vụ được cung cấp	1.033.002.727	1.150.338.457
Đại học FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	889.928.060	224.817.150
		Cung cấp dịch vụ	16.136.000	-
Công ty TNHH Bán lẻ FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	18.809.015	-
		Cung cấp dịch vụ	140.822.581	-
Công ty cổ phần quảng cáo FPT	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	33.885.600	-
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	112.700.000	-
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	61.043.578	-
		Mua hàng hóa	1.944.779.730	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	Bên liên quan	Bán hàng hóa	103.558.225	-
		Cung cấp dịch vụ	40.250.000	-
		Mua hàng hóa	654.883.049	-
		Mua dịch vụ	4.180.000	-
FPT Hòa Lạc	Bên liên quan	Bán hàng hóa	9.359.724	-
		Cung cấp dịch vụ	40.658.181	-

Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

23. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	Phân loại lại trong báo cáo năm 2007 VNĐ	Theo báo cáo năm 2006 VNĐ
Tiền	70.404.982.602	68.389.626.589
Các khoản tương đương tiền	-	2.015.356.013
Chi phí phải trả	413.134.270	3.647.789.010
Dự phòng bảo hành	3.234.654.740	-

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần	1.837.527.133.096	1.856.320.420.949
Giá vốn hàng bán	1.565.185.659.200	1.583.978.947.053

Người lập:



Đỗ Sơn Giang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Cao Bảo
Tổng Giám đốc

25 -04- 2008

